

Số: ~~1216~~ TCT-KK
V/v khấu trừ, hoàn thuế GTGT

Hà Nội, ngày ~~19~~ tháng 4 năm 2010

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 38/CTY-2009 ngày 14/10/2009 của Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Dung Quất về việc khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT), Tổng cục Thuế hướng dẫn về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật như sau :

1. Về hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu:

Theo hướng dẫn về điều kiện và thủ tục hoàn thuế đối với hàng hoá, dịch vụ tại Điểm 1.3 Mục III Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính và Điểm 1.2 Mục III Phần B Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 09/1/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT; trong đó có nội dung liên quan đến chứng từ thanh toán qua ngân hàng: “Trường hợp thanh toán chậm trả, phải có thỏa thuận ghi trong hợp đồng xuất khẩu, đến thời hạn thanh toán cơ sở kinh doanh phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng”.

Theo hướng dẫn tại Điểm 2 Mục I Thông tư số 04/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện hoàn thuế GTGT theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ:

“Số thuế GTGT được tạm hoàn đối với hàng hoá thực xuất khẩu, chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng bằng 90% (chín mươi phần trăm) số thuế GTGT đầu vào được hoàn theo hồ sơ đề nghị hoàn thuế của doanh nghiệp.

Trường hợp hàng xuất khẩu theo hợp đồng xuất khẩu (trong đó có ghi rõ phương thức thanh toán chậm trả, thời hạn chậm trả), chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng được hoàn toàn bộ số thuế GTGT đầu vào theo hướng dẫn tại Điểm 1.3(c.3) Mục III Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT và hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT”.

Căn cứ các hướng dẫn trên, trường hợp Công ty có hồ sơ đề nghị tạm hoàn thuế GTGT của hàng hoá thực xuất khẩu đang trong thời gian chưa được phía nước ngoài thanh toán qua ngân hàng theo hợp đồng xuất khẩu gửi đến cơ quan thuế kể từ ngày 01/01/2009 và hồ sơ đề nghị tạm hoàn đáp ứng đúng các điều kiện quy định thì được kết tạm hoàn số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá xuất khẩu chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2009/TT-BTC nêu trên; trường hợp Công ty đề nghị tạm hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá xuất khẩu cùng với đề nghị hoàn thuế khác thì cơ quan thuế thực hiện xác định số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá xuất khẩu để giải quyết tạm hoàn, số còn lại căn cứ vào điều kiện quy định để giải quyết hoàn thuế theo chế độ.

Trường hợp hợp đồng xuất khẩu có thỏa thuận Công ty phải chịu phí chuyển tiền, thanh toán tiền hàng xuất khẩu thì Công ty được xem xét khấu trừ, hoàn thuế

GTGT đối với doanh thu toàn bộ lô hàng xuất khẩu chưa trừ phí chuyển tiền qua ngân hàng; trường hợp phía nước ngoài phải chịu chi phí chuyển tiền thì Công ty chỉ được xét khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu phía nước ngoài thanh toán qua ngân hàng.

Đề nghị Cục Thuế kiểm tra hồ sơ cụ thể để đảm bảo giải quyết đúng quy định.

2. Về xử lý thuế GTGT đầu vào đối với trường hợp bên cung ứng hàng hoá, dịch vụ cho Công ty chậm xuất hoá đơn bán hàng:

Căn cứ hướng dẫn tại Điểm 1 Mục VI Phần B Thông tư số 120.2002/TT-BTC ngày 30/12/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 89/2002/NĐ-CP ngày 07/11/2002 của Chính phủ quy định về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hoá đơn; hướng dẫn tại Điểm 1.2 Mục III và Điểm 1 Mục IV Phần B Thông tư số 32/2007/TT-BTC, Điểm 1.3 Mục III và Điểm 1 Mục IV Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT nêu trên thì: Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT cho Công ty phải sử dụng hoá đơn GTGT. Hoá đơn phải được lập ngay khi cung cấp hàng hoá, dịch vụ. Trường hợp cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ cho Công ty không lập hoá đơn tại thời điểm cung cấp hàng hoá, dịch vụ nhưng sau đó có lập hoá đơn GTGT, có kê khai nộp thuế GTGT đầu ra đối với hàng hoá, dịch vụ xuất bán cho Công ty, về việc này hướng giải quyết như sau:

- Bên bán bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế hoặc bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 89/2002/NĐ-CP nêu trên đối với hành vi bán hàng tại thời điểm cung cấp hàng hoá. Thời điểm để xác định giá tính thuế của bên bán là thời điểm bên bán chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá, dịch vụ có liên quan cho bên mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Công ty (bên mua) được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào căn cứ theo thời gian ghi trên hoá đơn do cơ sở kinh doanh bán hàng xuất cho đơn vị mua hàng với thời gian kê khai khấu trừ tối đa là 03 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh hoá đơn GTGT của bên bán; từ ngày 01/01/2009, thời gian kê khai, khấu trừ tối đa là 06 tháng, kể từ tháng phát sinh hoá đơn GTGT.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi biết và đề nghị Cục Thuế căn cứ theo các văn bản quy định pháp luật về thuế và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để hướng dẫn Công ty cụ thể.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công ty cổ phần SX-TM-DV xuất nhập khẩu Dung Quất;
- Các Vụ: PC, CST (BTC);
- Các Vụ: PC, CS (TCT);
- Lưu: VT, KK.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Phạm Duy Khương